

# Giới thiệu tài liệu hoàng gia Champa

Ts. Po Dharma  
(Viện Viễn Đông Pháp)

Tài liệu hoàng gia Champa là kho tàng tư liệu lịch sử được tìm thấy tại làng Lavang của dân tộc Kaho thuộc khu vực Đồng Nai, Lâm Đồng bởi ông P. Villaume vào năm 1902 và được giới thiệu sơ khởi trong bài khảo luận của E. M. Durand mang tựa đề: “Les archives des derniers rois chams” (*BEFEO* VII, 1907, trang. 353 355).

Tài liệu này hiện đang lưu trữ trong thư viện Société Asiatique de Paris, tổng cộng 5227 trang, trong đó có 4402 viết bằng tiếng Chăm và 825 trang viết bằng tiếng Hán, từ năm 1702 đến năm 1883, dưới thời Chính Hòa (1680-1705), Bảo Thái (1720-1729), Vĩnh Khánh (1729-1732), Long Đức (1732-1735), Vĩnh Hựu (1735-1740), Cảnh Hưng (1740-1786), Thái Đức (1778-1793), Gia Long (1802-1820), Tự Đức (1874-1883).

Đây là hồ sơ chính thức của triều đình Champa có dấu ấn của vua chúa và chữ ký của những đương sự, tập trung nhiều chủ đề từ văn kiện hành chánh, văn bản thuế má, mua bán đất đai cho đến hồ sơ kiện tụng, v.v. Trong tài liệu này có 408 dấu ấn của 8 triều đại của nhà Nguyễn. Triều đại Bảo Thái có 1 dấu ấn, Vĩnh Khánh: 1, Long Đức: 1, Vĩnh Hựu: 17, Cảnh Hưng: 147, Thái Đức: 100, Gia Long: 18, Tự Đức 7 và 2 dấu ấn Chăm viết bằng Akhar Rik.



Bao Thai



Vinh Khanh



Long Duc



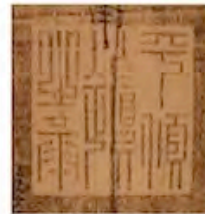
Vinh Huu



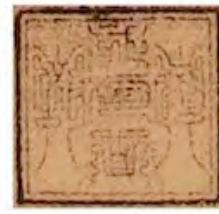
Canh Hung



Thai Duc



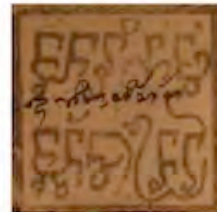
Gia Long



Tu Duc



Inconnus-chinois



Inconnus-cham

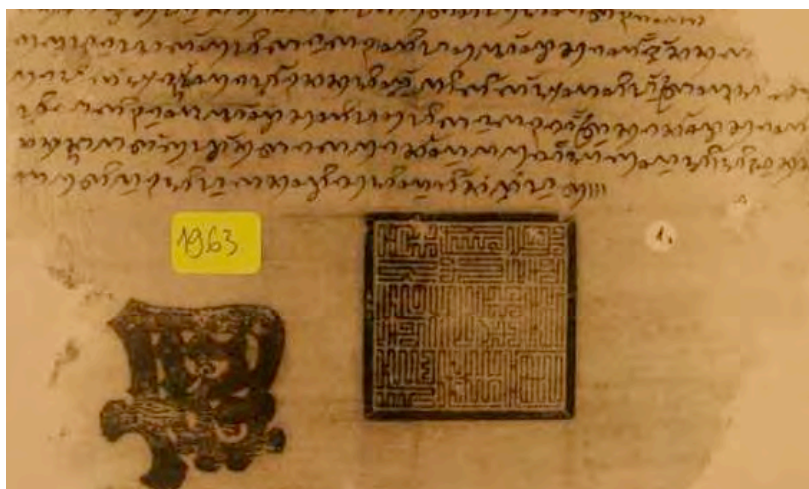
Ấn triện của tài liệu hoàng gia Champa

Năm 1984, Gs. Chen Zhichao (Trung Quốc), Gs. P-B. Lafont, Po Dharma và Bs. Lưu Trần Huân thuộc trung tâm CHCPI của đại học Sorbonne Paris đã làm thư tịch nội dung của 494 trang tài liệu hoàng gia viết bằng tiếng Hán trong tác phẩm mang tựa đề: *Inventaire des Archives du Panduranga du fonds de la Société Asiatique de Paris. Pièces en caractères chinois* (CHCPI, Paris 1984, 95 trang).

Kể từ năm 2009, Pgs. Ts. Po Dharma (Viện Viễn Đông Pháp) và Gs. Ts. Danny Wong Tze-Ken (Đại Học Malaya, Kuala Lumpur) là hai nhà khoa học đặc trách nghiên cứu và bảo quản Tư Liệu Hoàng Gia Champa đặt dưới sự bảo trợ của Viện Viễn Đông Pháp và Đại Học Malaya của Mã Lai, qua chương trình đưa 5227 trang tư liệu này vào máy vi tính, phiên âm La Tinh và tóm lược nội dung của từng hồ sơ.

Tài liệu hoàng gia Champa là nguồn tư liệu vô giá mà các nhà khoa học có thể dựa vào đó để kiến thiết lại lịch sử cận đại Champa dưới thời đô hộ của nhà Nguyễn, phác họa lại hệ thống tổ chức hành pháp và tư pháp của vương quốc này cũng như định nghĩa lại qui chế chính trị và xã hội của những thành phần dân tộc thuộc về vương quốc Champa thời đó. Cũng nhờ tài liệu này, người ta biết được Champa không phải là vương quốc của người Chăm mà là vương quốc chung của của nhiều thành phần dân tộc trong đó có dân tộc Raglai, Churu, Kaho, và Chăm.

Bên cạnh yếu tố mang tính cách lịch sử, Tài Liệu Hoàng Gia Champa còn là kho tàng ngôn ngữ và chữ viết nhằm giúp dân tộc Chăm hôm nay hiểu rõ thế nào là nguồn gốc và qui luật của Akhar Thrah Chăm. Đây không phải là chữ Chăm cổ và lỗi thời như một số người Chăm phục vụ trong Ban Biên Soạn Sách Chữ Chăm thường hiểu lầm, mà là văn bản viết bằng Akhar Thrah, tức là chữ Chăm phổ thông lưu hành từ thời Po Romé (1627-1651) cho đến hôm nay.



Ấn triện của quan lại trong triều đình

Sau khi đọc qua 5227 trang tư liệu viết bởi hàng ngàn đương sự, kéo dài hơn một thế kỷ từ 1702 đến 1883, chúng tôi đưa ra kết luận rằng chữ viết Chăm của tài liệu hoàng gia có một qui luật rất ổn định về mặt cấu trúc chính tả và ngữ pháp mà dân tộc Chăm nên dựa vào đó để làm kim chỉ nam cho qui luật Akhar Thrah hôm nay hầu né tránh những cuộc tranh luận vô bổ, không mang ích lợi gì cho công tác bảo tồn di sản ngôn ngữ chữ viết Chăm.

Bên cạnh những qui tắc mang tính cách phổ thông, Akhar Thrah trong tài liệu hoàng gia Champa đã lưu lại một số yếu tố vô cùng quan trọng mà dân tộc Chăm hôm nay cần phải lưu ý:

### I). Cấu trúc văn chương hành chánh

Văn chương hành chánh trong tài liệu hoàng gia Champa có phong cách cấu trúc riêng biệt.

1). *Po Taray* là từ ám chỉ cho vua chúa đang cai trị vương quốc. Những thư từ viết cho vua chúa thường khởi đầu bằng : *Akaok klaong di palak dhul takai Po Taray likuw....* (Thân cuối đầu dưới lóp bụi bàn chân của Bộ Hạ xin ...)

2). Những thư từ viết cho quan lại thường khởi đầu bằng : *Akaok klaong di palak takai Po...* (Tôi xin cuối đầu dưới chân ngài ...)

3). Những thư từ viết cho người thông thường khởi đầu bằng : *Akaok dahlak angan ...* (Bản thân tôi tên là...)

### II). Niên đại hành chánh

Tất cả tài liệu hành chính hoàng gia Champa đều có ghi ngày tháng rõ ràng dựa vào 12 con giáp như *tikuh, kabaw*, v.v. nhưng niên đại này không bao giờ có kèm theo *Lieh, Hak, Jim*, v.v. như người Chăm hôm nay thường sử dụng. Dưới thời vương quốc Champa sau thế kỷ thứ XV, quốc gia này có hai hệ thống lịch khác nhau :

1). Lịch *Saka* (lịch Ấn Giáo) là lịch phổ thông để ghi năm tháng hành chính dựa vào 12 con giáp.

2). Lịch *Sakawi* (Saka + Jawi) tức là lịch hỗn hợp Ấn Giáo và Hồi Giáo có *Liah, Hak, Jim*, v.v. để tính ngày tháng làm thế nào Kate không trùng với mùa Ramawan của Chăm Bani.

### III). Cấu trúc chữ viết

Tài liệu hoàng gia Champa tập trung hơn 5000 trang, viết bởi hàng ngàn đương sự kéo dài hơn một thế kỷ, nhưng có cấu trúc chữ viết rất rõ ràng :

1). Trong tài liệu hoàng gia Champa, ký hiệu *traoh aw* lúc nào cũng có *dar tha*. Đây là qui luật chung của chữ viết ở khu vực Đông Nam Á nằm trong hệ thống Phạn ngữ, trong đó có chữ viết Chăm, Campuchia, Laos, Thái, Miến Điện, v.v.

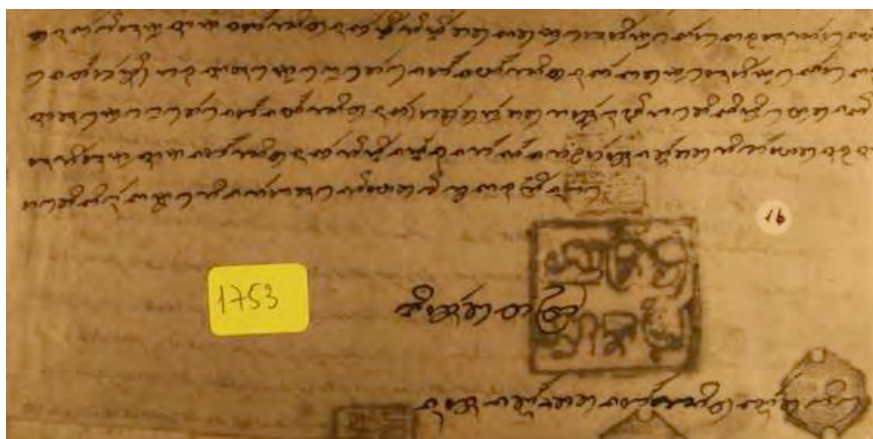
2). Ký hiệu *dar tha* và *dar dua* không bao giờ có *hua baluw* nữa, như chữ *amaik* 𑄀𑄆𑄃𑄫. Trí thức Chăm không có quyền dựa vào vài chữ sai lầm *dar tha* và *dar dua* có *hua baluw* trong tự điển G. Moussay để làm chủ đề tranh cãi một cách vô bổ.

3). Akhar Thrah Chăm trong tài liệu hoàng gia không bao giờ có *paoh gak*. Trí thức Chăm không có quyền dựa vào vài chữ sai lầm ghi trong tự điển E. Aymonier có *paoh gak* để đi đến kết luận là chữ Chăm có *paoh gak*.

4). Trong tài liệu hoàng gia Champa, qui luật *hua baluw* chỉ áp dụng vào một số từ rất đặc biệt:

a). Phụ âm *pak praong* (𑄀𑄆) dùng cho những từ như *pak* 𑄀𑄆 (số 4), *palihar* 𑄀𑄆𑄫𑄳 (xin, thỉnh nguyện).

b). *Hua balaw* (𑄆) dùng vào một số từ như *ratuh* 𑄳𑄆𑄫 (số 100), *mak* 𑄆𑄫 (tháng 12), *kahra* 𑄫𑄳𑄆 (tính toán), v.v. nhưng cho đến hôm nay chưa có tư liệu nào giải thích về nguồn gốc bất qui tắc này.



Còn những chữ khác, như *sa* សា (số 1), *lima* លីមា (số 5), *mata* មាតា (con mắt), *mada* មាត (có), *pala* បាලា (trồng), v.v. không bao giờ có *hua baluw* trên phụ âm cuối như người Chăm đang sử dụng hôm nay.

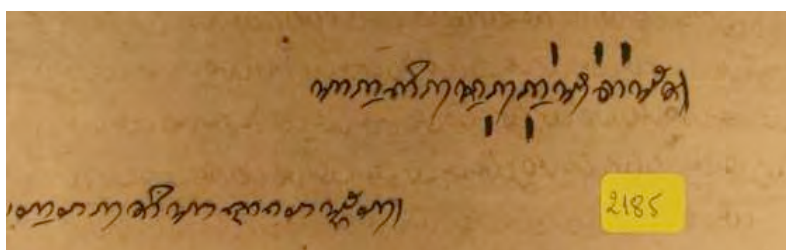
5). Qui luật *takai kâk* cũng dùng vào một số từ rất đặt biệt như *jiä* ជ្រៃ (thuế), *dräng ray* ទ្រង់ រាយ (trị vì), *tanäk* តាន៉ាក់ (nấu cơm), v.v. Còn những chữ khác như *anak* អាក (con), *ama* អាម (cha), *ina* អ៊ែ (mẹ), v.v. không bao giờ có *takai kurk*.

Đó là 5 yếu tố cơ bản của qui luật chữ viết Chăm mà Ban Biên Soạn Sách Chữ Chăm phải tôn trọng hầu thống nhất lại ngôn ngữ chữ viết Chăm hôm nay.

#### IV). Hệ thống phiên âm

Hệ thống phiên âm mà chúng tôi áp dụng cho Tài Liệu Hoàng Gia Champa là hệ thống phiên âm quốc tế của Viện Viễn Đông Pháp, nhưng có thêm 4 ký hiệu sau đây để phân biệt Pak Praong, Baluw, Takai Kik Tut Takai Murk, Takai Kurk:

- 1). [ p. ] = ám chỉ *pak praong*, như *p.o* ប៉ោ (ngài)
- 2). [ â ] = ám chỉ *baluw*, như *mâk* ម៉ាក់ (tháng 12), *râtuh* រ៉ាតូ (100)
- 3). [ î ] = ám chỉ *takai kik tut takai murk*, như *nî* ណ៊ី (đây)
- 4). [ ä ] = ám chỉ *takai kurk*, như *tanäk* តាន៉ាក់ (nấu cơm)



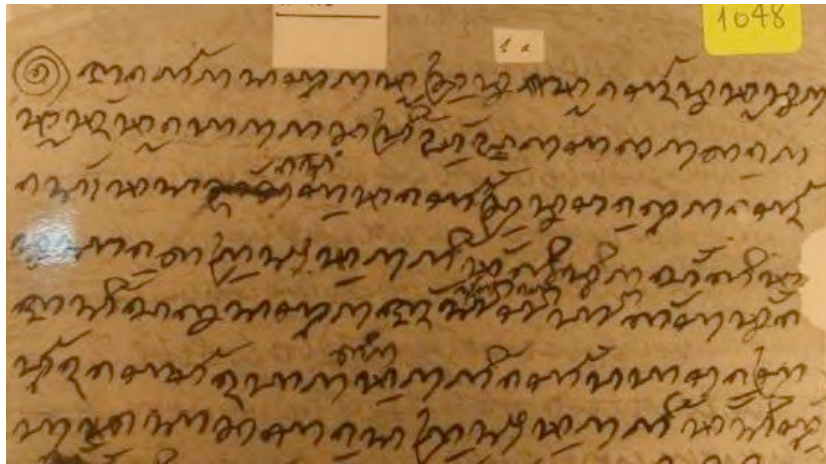
Chữ ký của đương sự (trên 3 gạch, dưới 2 gạch)

Hệ thống phiên âm này không có giá trị khoa học trong nghĩa rộng của nó, nhưng có mục tiêu giúp độc giả biết chữ nào có *Pak Praong*, có *Hua Baluw*, có *Takai Kik Tut Takai Murk*, có *Tai Kurk* mà thôi.

**Đây là thí dụ của 13 trang  
nằm trong Tài Liệu Hoàng Gia Champa**

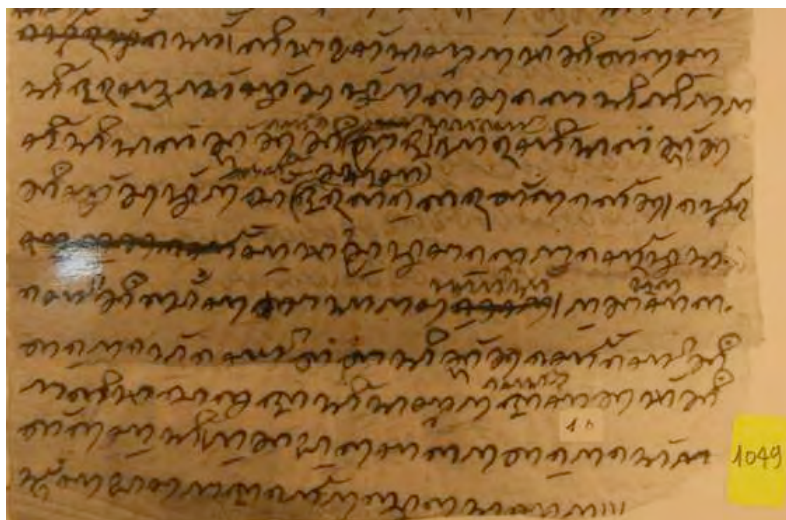
**Trang 1048 (P.183-1a)**





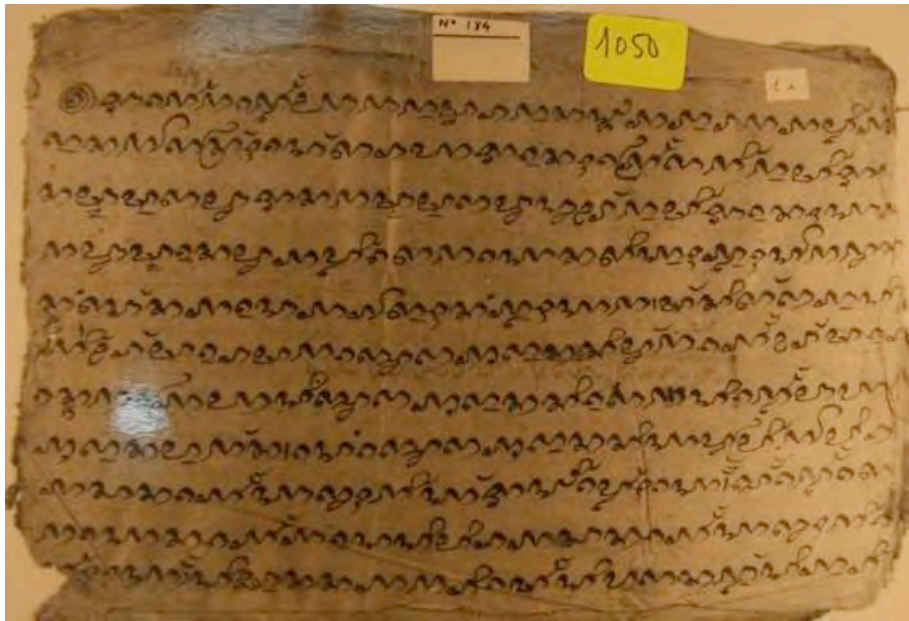
Akaok dahlak Mu Cruw [,] Mu Haow [,] Mu Wak [,] Mu Mäng [,] Mu Yok Kac brei thau dhul palak takai P.o, mada dom huma saong Cruw [,] Raglai [,] Kahaow Ja Tai krung muk kei mang liwik [,] s.eng lima adei s.a-ai dahlak äng [vn. ung] ngap mak p.ârâbhâ gep mbeng blaoh piaoh [piéh] bhaktik [bhuktik] muk kei saong bayar sraiy jon [jén] padai krung muk kei mang dihlau

**Trang 1049 (P.183-1b)**



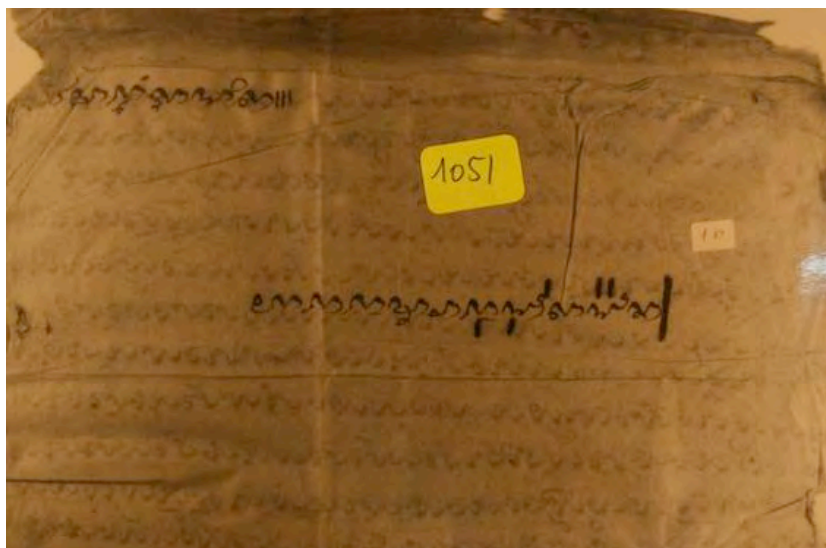
jéng [je], lima urang dahlak mang nî tel hadei oh hu kieng puec wek lac lo dikik karei di dalam nden [vn: đôn] saong dalam so [vn: sô] nî tra o, yah sei dalam nden [vn: đôn] nî puec wek karei [,] s.eng siap oh lagaih tel gaon, blaoh huma Cruw [,] Raglai [,] Kahaow dalam sô [vn: sô] nî njep rajakar biak jeng [je], kuna dhul palak takai P.o phô (?) tamtra di nden [vn: đôn] saong sô nî ka lima s.a-ai adei dahlak piaoh [piéh] apan mang nî tel hudei [,] kuna dhul palak takai P.o ngap dhar ka akaok khal [khaol] dahlak,,

**Trang 1050 (P.184-1a)**



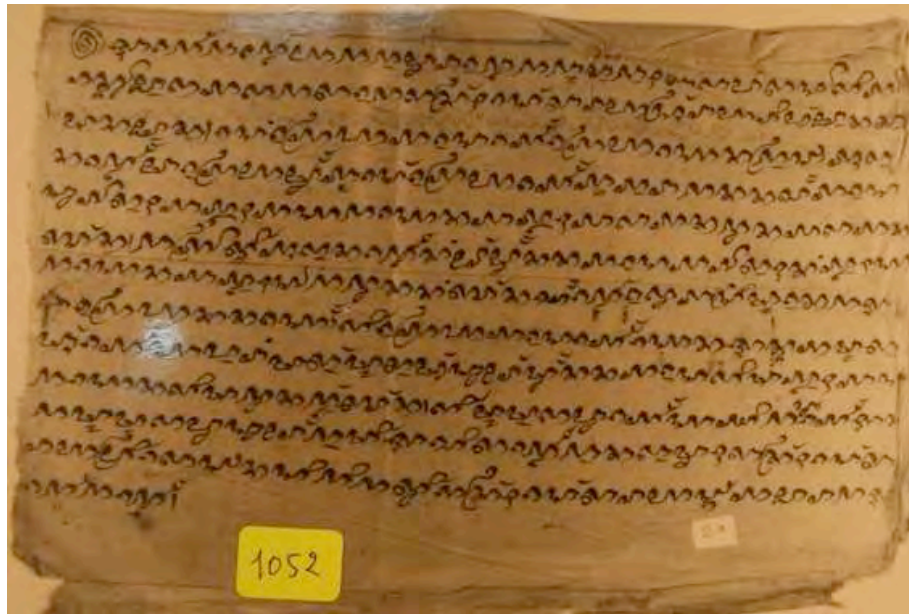
Akaok klaong Yak Ku-mbar kuna ngap surak pablei halun kê ganreh P.o Taray [,] anaih praong lakei kumei a [angan] Mu Mul Wa [,] anak Mu Mul Wa dua urang kumei anaih Ja Wa [,] Mu Nai Wa [,] pablei tok jon [jén] tujuh pluh p.âk kuan nam tien [vn: tièn] [,] padai sa râtuh nam pluh jak, mang nî tel hudei sei urang marai mak khuol [khaol] halun nî wek saong urang marai ndok sraiy di khaul [khaol] halun ni laik di klaong bayar halun buken, dom khuol [khaol] halun ni Ja Wa brei kê Birapacan saong Ja Aih Kei jang angei [anguai] blaoh jiéng [je], s.eng klaong tok jon [jén] saong padai di Birapacan saong Ja Aih Kei blaoh jiéng [je], di thun nasak rimaong di bulan klau di harei

**Trang 1051 (P.184-1b)**



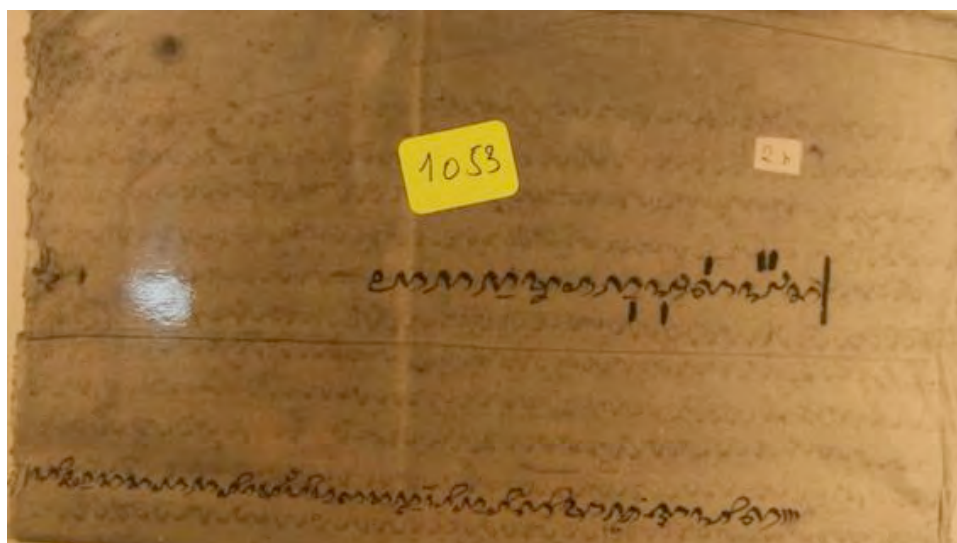
lima klam adit,,  
, Yak Ku-mbar kung tangan,

**Trang 1052 (P.184-2a)**



Akaok klaong Yak Ku-mbar klaik kuna kuh [kakuh] talabat p.âlihâr nduâ dhul palak takai ganreh P.o Taray dräng ray ribau thun taman thun, dom srai y padai saong srai y jon [jén] krung halun klaong masrai y mbeng hu p.o srai y saong hu surak nan s.eng padai dua râtuh sa pluh sa jak, jon [jén] sa pluh salapan kuan salapan tien [vn: tièn], kahrâ tuei halun klaong nam urang mbeng nan padai sa râtuh nam pluh jak [,] jon [jén] sa pluh p.âk kuan nam tien [vn: tièn] [,] s.eng klaong luai sa drei Mu Naik a \_\_ srai y nan jiéng [je], lei srai y padai saong jon [jén] anap Mu Tumäng saong Ja Buram matau Mu Tumäng dua urang mbeng nan padai lima pluh sa jak [,] jon [jén] lima kuan klau tien [vn: tièn], lei Mu Mul Wa saong Ja Phik P.â saong anak Mu Mul Wa dua urang kumei as.it klaong kuna lumah ganreh P.o Taray brei lo ngan dikik tuei ganreh P.o Taray ngap dhar ka akaok klaong,

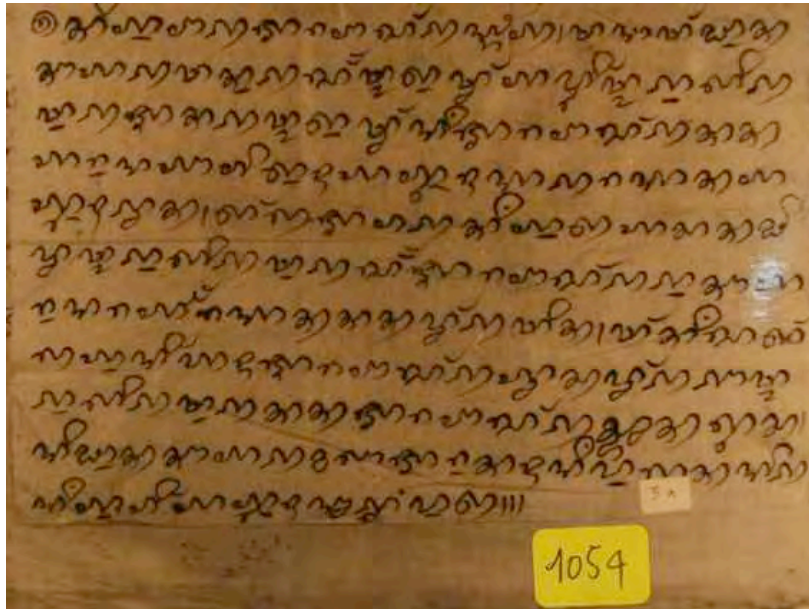
**Trang 1053 (P.184-2b)**



, Yak Ku-mbar kung tangan,  
, di thun nasak rimaong di bulan klau di harei lima klam adit,,

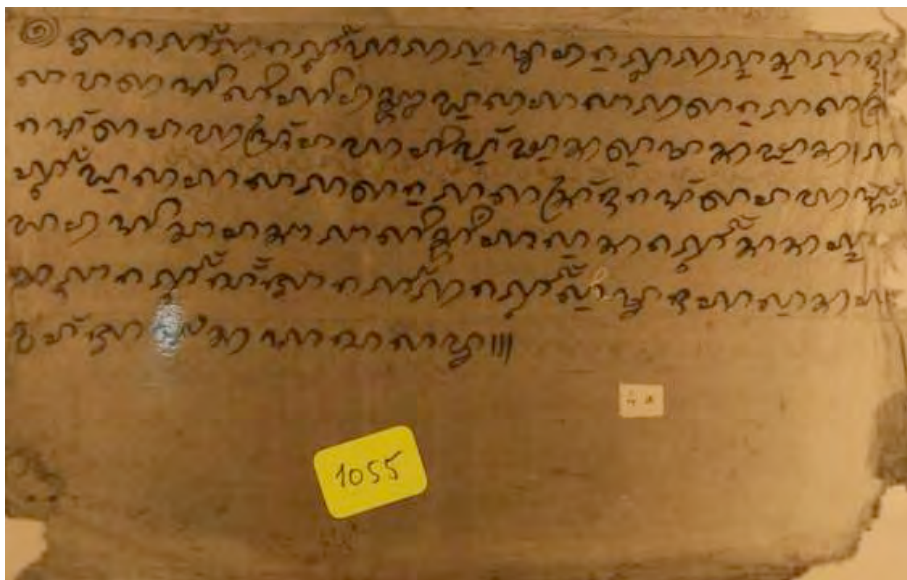
**Trang 1054 (P.184-3a)**





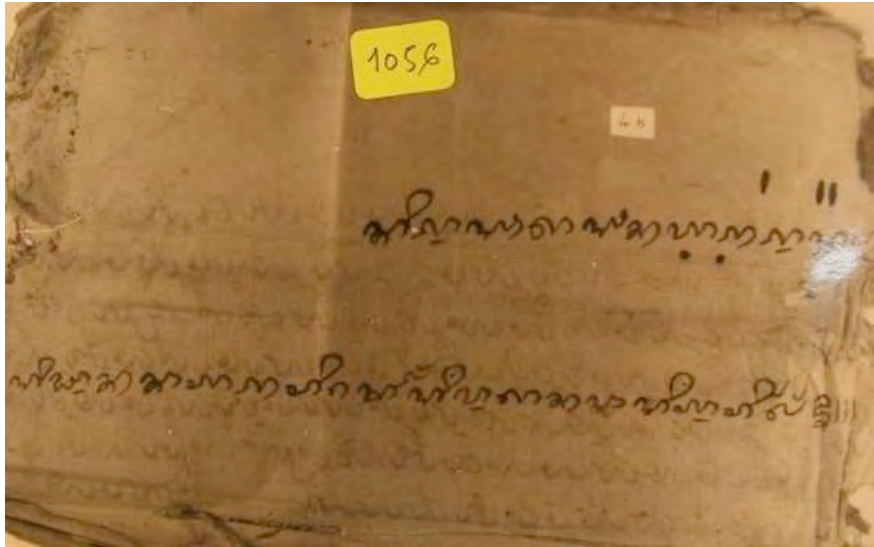
Nî surak Aro S.ek ngap, mada mang thun nasak manuk [,] s.eng Mu Tumäng pablei Mu Kulik Muk anak Mu Tumäng dí Aro S.ek nan padai sa râtuŕ sa pluh jak [,] jon [jén] sa pluh kuan, tel arak nî [,] Sutapacan éw Mu Kulik Muk [,] s.eng Aro S.ek kuna padai saong jon [jén] nan wek min, mang nî hatel hudei yah Aro S.ek puac wek ka Mu Kulik Muk nan Aro S.ek nduac glac, di thun nasak ula anaih dí bulan p.âk dí harei sa pluh dua klam but,,,

**Trang 1055 (P.184-4a)**



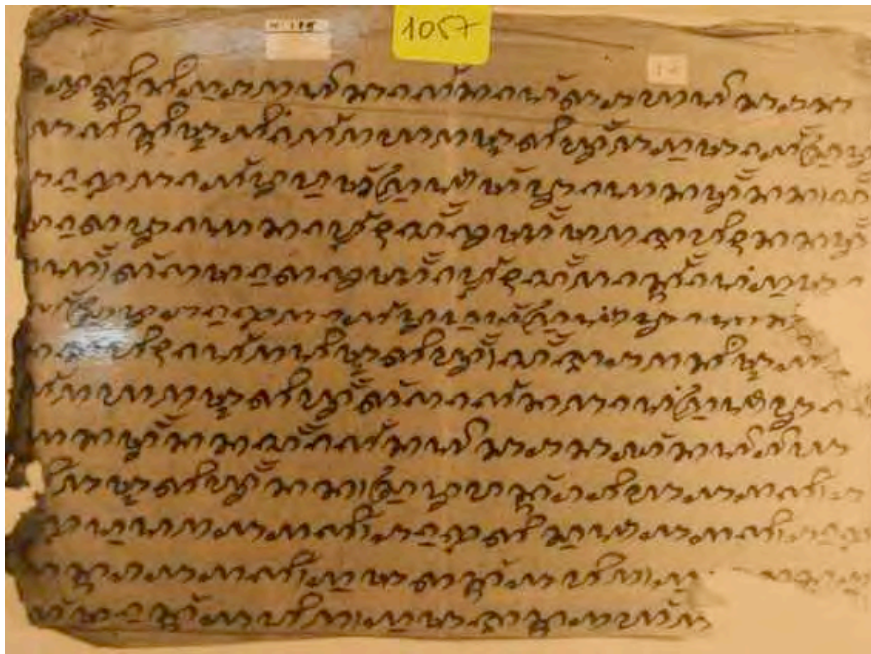
Akaok klaong Yak Ku-mbar klaik kuna kuh [kakuh] talabat p.âlihâr ndua dhul palak takai ganreh P.o Taray dräng ray ribau thun tuman thun, kahlaom dhul palak takai ganreh P.o Taray ngap dhar p.âcarana ka gi-ndî halun klaong nan hu halun ka klaong [,] s.eng akaok klaong lumah halun sa urang angan Ja S.alawa,,,

**Trang 1056 (P.184- 4b)**



, ni kung tangan Yak Ku-mbar,,  
 , di thun nasak rimaong dī bulan dua dī harei p.āk bangun jip,,

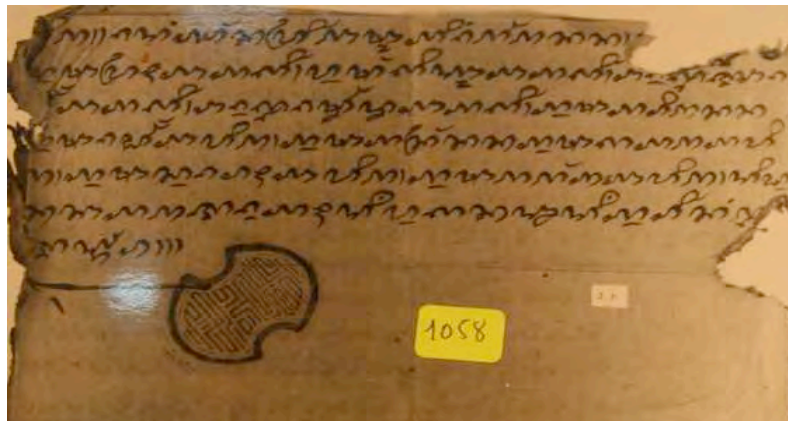
**Trang 1057 (P.185-1a)**



Suattik nī surak p.âna gaon P.o Taray p.âcarana ka gi-ndī Mu Siim Kaok yak Mu Ti Yueng ka huma saong Cruw [,] Raglai [,] Kahaow Bu Mäng krung mang Wa Jon mbeng nan, s.eng matai Wa Jon blaoh [,] s.eng Ai Mieng mak abih nan mbeng jéng [je], tel matai Ai Mieng blaoh [,] s.eng kandaong dom huma saong Cruw [,] Raglai [,] Kahaow Bu Mäng krung Wa Jon abih daok dī Mu Ti Yueng, s.eng arak nī [,] Mu Siim Kaok yak Mu Ti Yueng tel gaon ka dom krung Wa Jon mbeng nan [,] s.eng gaon p.âcarana phen [vn: phên] p.ârâbha brei ka Mu Ti Yueng nan, Cruw Baner Riya sa palei, Raglai Dudak sa palei, Raglai Ticung sa palei, Raglai Banar sa palei, huma Tandang sa bik [labik], huma Anap Yang Madaing sa bik [labik], huma Anap Yang Katan sa

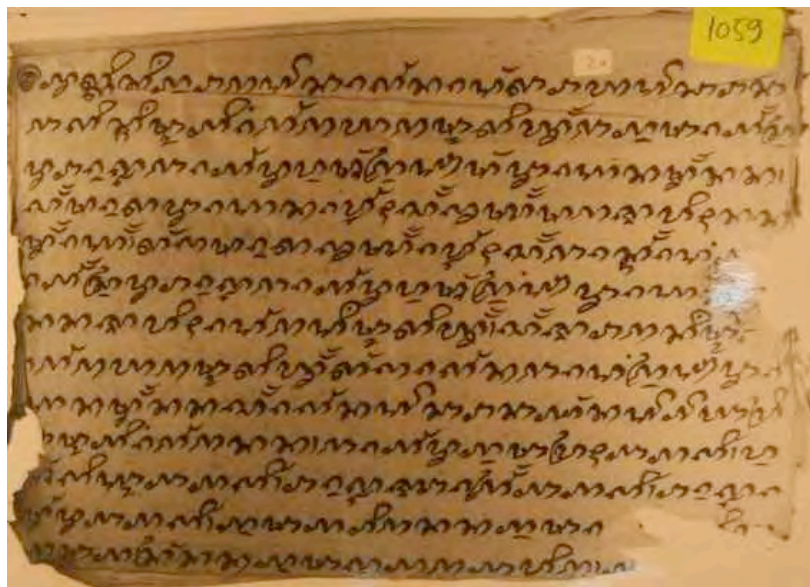


**Trang 1058 (P.185-1b)**



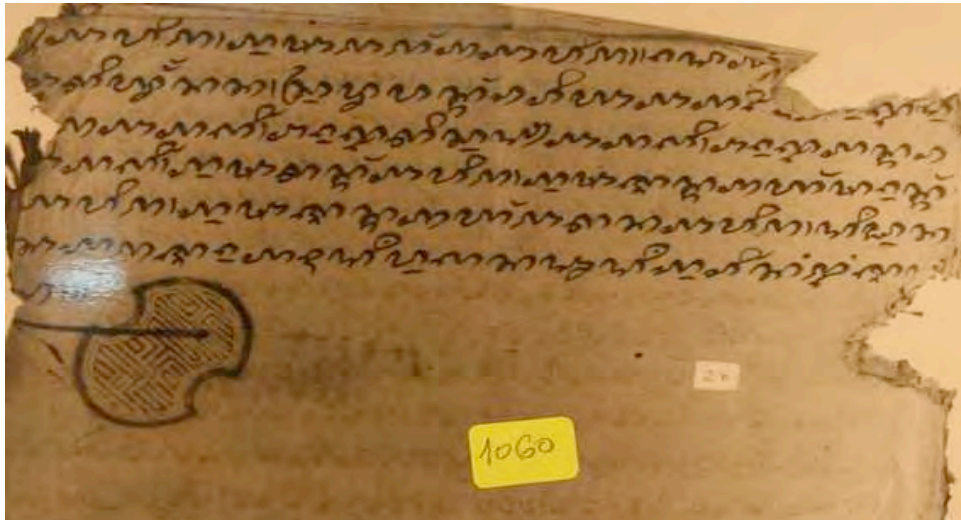
bik [labik], dom phen [vn: phần] brei ka Mu Siim Kaok nan, Kahaow huma Brah sa palei, Bu Mang Liju sa palei, Raglai Aia Praong sa palei, Raglai Kahaow sa palei, huma Parik nan huma Dhaong sa bik [labik], huma Panrang nan huma Lasak sa bik [labik], huma Curoh sa bik [labik], huma Kakep sa bik [labik], di thun nasak asaih dī bulan dua dī harei nam klam angar,,

**Trang 1059 (P.185-2a)**



Suattik nī surak p.âna gaon P.o Taray p.âcarana ka gi-ndī Mu Siim Kaok yak Mu Ti Yueng ka huma saong Cruw [,] Raglai [,] Kahaow Bu Mäng krung mang Wa Jon mbeng nan, s.eng matai Wa Jon blaoh [,] s.eng Ai Mieng mak abih nan mbeng jéng [je], tel matai Ai Mieng blaoh [,] s.eng kandaong dom huma saong Cruw [,] Raglai [,] Kahaow Bu Mäng krung Wa Jon nan abih daok dī Mu Ti Yueng, s.eng arak nī [,] Mu Siim Kaok yak Mu Ti Yueng tel gaon ka dom krung Wa Jon mbeng nan [,] s.eng gaon p.âcarana phen [vn: phần] p.ârâbha brei ka Mu Siim Kaok nan, Kahaow huma Brah sa palei, Bu Mang Liju sa palei, Raglai Aia Praong sa palei, Raglai Mbaow sa palei, huma Parik nan huma Dhaong sa bik [labik], huma Panrang nan huma Lasak sa bik [labik], huma Curoh

Trang 1060 (P.185-2b)



sa bik [labik], huma Kakep sa bik [labik],, dom phen [vn. phần] brei ka Mu  
Ti Yueng nan, Cruw Baner Riya sa palei, Raglai Dudak sa palei, Raglai  
Ticung sa palei, Raglai Banar sa palei, huma Ta-ndang sa bik [labik], huma  
Anap Yang Madaing sa bik [labik], huma Anap Yang Katan sa bik [labik],  
dî thun nasak asaih dî bulan dua dî harei nam klam angar,,,